

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 7900/SGTVT-TC

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 8 năm 2022

Về điều chỉnh, bổ sung chi tiết luồng
hàng hóa thực hiện kê khai và nộp phí
sử dụng kết cấu hạ tầng, công trình dịch
vụ tiện ích công cộng trong khu vực cửa
khẩu cảng biển trên địa bàn Thành phố
Hồ Chí Minh

Kính gửi:

- Các Doanh nghiệp cảng, kho CFS, Kho Ngoại quan;
- Tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hóa xuất nhập khẩu,
hàng tạm nhập tái xuất, hàng chuyển khẩu, hàng gửi kho
ngoại quan, hàng quá cảnh.

Căn cứ Nghị quyết số 10/2020/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân Thành phố về ban hành mức thu phí sử dụng kết cấu hạ tầng, công trình dịch vụ tiện ích công cộng trong khu vực cửa khẩu cảng biển trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Nghị quyết số 07/2022/NQ-HĐND ngày 07 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng Nhân dân Thành phố về việc sửa đổi, bổ sung khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều 1 Nghị quyết số 10/2020/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng Nhân dân Thành phố về ban hành mức thu phí sử dụng công trình, kết cấu hạ tầng, công trình dịch vụ, tiện ích công cộng trong khu vực cửa khẩu cảng biển trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;

Ngày 25 tháng 7 năm 2022, Tổ Kỹ thuật hỗ trợ thu phí đã tổ chức họp và rà soát lại chi tiết luồng hàng hóa thực hiện kê khai và nộp phí sử dụng kết cấu hạ tầng, công trình dịch vụ tiện ích công cộng trong khu vực cửa khẩu cảng biển trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh đã được Sở Giao thông vận tải ban hành tại văn bản số 3546/SGTVT-TC ngày 19 tháng 4 năm 2022.

Để thuận lợi cho các đối tượng nộp phí và các Doanh nghiệp cảng, kho CFS, Kho Ngoại quan, trên cơ sở đề xuất của Cảng vụ đường thủy nội địa tại công văn số 1943/CVĐTNĐ-QLCB ngày 25 tháng 7 năm 2022, Sở Giao thông vận tải điều chỉnh và thông tin đến các Doanh nghiệp cảng, kho CFS, Kho Ngoại quan, các tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hóa xuất nhập khẩu, hàng tạm nhập tái xuất, hàng chuyển khẩu, hàng gửi kho ngoại quan, hàng quá cảnh về chi tiết luồng hàng hóa thực hiện kê khai và nộp phí hạ tầng theo Phụ lục đính kèm./.

Ghi chú: Công văn này thay thế Công văn Số 3546/SGTVT-TC ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Sở Giao thông vận tải về điều chỉnh, bổ sung chi tiết luồng



hàng hóa thực hiện kê khai và nộp phí sử dụng kết cấu hạ tầng, công trình dịch vụ tiện ích công cộng trong khu vực cửa khẩu cảng biển trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Nơi nhận:

- Như trên;
- PCT UBND TP Phan Thị Thắng;
- Thành viên Tổ Công tác
QĐ số 803/QĐ-UBND ngày 12/3/2021;
- Lưu: VT. (04)

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Bùi Hòa An





PHỤ LỤC
Luồng hàng hóa thực hiện kê khai và nộp phí sử dụng công trình kết cấu hạ tầng, công trình dịch vụ tiện ích công cộng trong khu vực cửa khẩu cảng biển trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh

(Kèm theo Công văn số 7900/SGTVT-TC ngày 04 tháng 8 năm 2022 của Sở Giao thông vận tải)

ST T	Luồng hàng	Người kê khai, nộp Phí	Mức phí	Ghi chú
I	Tờ khai xuất nhập khẩu (XNK)			
1.1	Đối với hàng nhập khẩu			
1.1. 1	Tất cả tờ khai nhập khẩu (trừ tờ khai tái nhập đã nộp phí tại chiều tạm xuất) có mã địa điểm lưu kho chờ thông quan dự kiến là mã Cảng biển/ICD, kho CFS thuộc địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh (TP.HCM)	Doanh nghiệp, đại lý khai báo tờ khai nhập khẩu	Mức phí phân biệt theo loại hình XNK (đối với hàng tạm nhập có mã thuộc nhóm G) trừ hàng nhập khẩu từ Kho Ngoại quan vào nội địa được hướng dẫn tại mục 1.1.2 bên dưới	Đối với hàng lấy ra từ kho CFS thuộc địa bàn TP.HCM, Doanh nghiệp kê khai và nộp phí theo hình thức hàng lẻ, hàng rời.
1.1. 2	Tất cả tờ khai nhập khẩu có mã địa điểm lưu kho chờ thông quan dự kiến là mã Kho Ngoại quan (KNQ) thuộc địa bàn TP.HCM	Doanh nghiệp, đại lý khai báo tờ khai nhập khẩu	Mức phí theo loại hàng hóa gửi KNQ dựa trên vị trí KNQ kết hợp với tuyến đường hàng ra khỏi KNQ (Áp dụng đối với trường hợp KNQ nằm trong cảng và hàng đi ra khỏi KNQ bằng đường thủy nội địa)	Hàng gửi KNQ trong trường hợp này là hàng trước đó đã được mở tờ khai nhập kho theo mã loại hình C11 hoặc tờ khai VCDL từ kho CFS vào KNQ
1.2	Đối với hàng xuất khẩu			

1.2.1	Tất cả tờ khai xuất khẩu (trừ tờ khai tái xuất đã nộp phí tại chiều tạm nhập) có mã địa điểm đích vận chuyển bảo thuế là mã Cảng biển/ICD, kho CFS thuộc địa bàn TP.HCM	Doanh nghiệp, đại lý khai báo tờ khai xuất khẩu	Mức phí phân biệt theo loại hình XNK (đối với hàng tạm xuất có mã thuộc nhóm G) trừ hàng xuất khẩu gửi KNQ được hướng dẫn tại mục 1.2.2 bên dưới	Đối với hàng đưa vào kho CFS thuộc địa bàn TP.HCM, Doanh nghiệp kê khai và nộp phí theo hình thức hàng lẻ, hàng rời.
1.2.2	Tất cả tờ khai xuất khẩu có mã địa điểm đích vận chuyển bảo thuế là mã Kho Ngoại quan thuộc địa bàn TP.HCM	Doanh nghiệp, đại lý khai báo tờ khai xuất khẩu	Mức phí theo loại hàng hóa gửi KNQ	
II Tờ khai vận chuyển độc lập, tờ khai gửi kho ngoại quan C11				
2.1 Đối với hàng nhập khẩu				
2.1.1	Các tờ khai vận chuyển độc lập có mã địa điểm xếp hàng là mã Cảng/ICD thuộc địa bàn TP.HCM và mã địa điểm dỡ hàng là mã Cảng/ICD bên ngoài địa bàn TP.HCM.	Doanh nghiệp, đại lý khai báo tờ khai vận chuyển độc lập.	Mức phí theo container	
2.1.2	Các tờ khai vận chuyển độc lập có mã địa điểm xếp hàng là mã Cảng/ICD thuộc địa bàn TP.HCM và mã địa điểm dỡ hàng là mã kho CFS bên ngoài địa bàn TP.HCM.	Doanh nghiệp, đại lý khai báo tờ khai vận chuyển độc lập.	Mức phí tính theo trọng lượng của hàng hóa trong container	
2.1.3	Các tờ khai C11 có mã địa điểm lưu kho chờ thông quan dự kiến là mã Cảng/ICD thuộc địa bàn TP.HCM và mã địa điểm đích vận chuyển bảo thuế là mã Kho Ngoại quan.	Doanh nghiệp, đại lý khai báo tờ khai C11	Mức phí theo loại hàng hóa gửi KNQ tính theo container hoặc hàng lẻ, hàng rời của tờ khai C11	
2.1.4	Các tờ khai vận chuyển độc lập có mã địa điểm xếp hàng là mã Cảng/ICD, kho CFS	Không phải thực hiện kê khai và nộp phí (Do là việc kê khai, nộp phí đối với nhóm đối tượng vận chuyển này)		

	thuộc địa bàn TP.HCM và mã địa điểm dỡ hàng là mã Cảng/ICD cũng thuộc địa bàn TP.HCM	sẽ do doanh nghiệp XNK thực hiện khi doanh nghiệp mở tờ khai nhập khẩu có mã địa điểm lưu kho chờ thông quan dự kiến là mã Cảng/ICD, Kho CFS thuộc địa bàn TP.HCM tại mục 1.1.1 nêu trên).	
2.1.5	Các tờ khai C11 có mã địa điểm xếp hàng là mã kho CFS thuộc địa bàn TP.HCM và mã địa điểm dỡ hàng là mã Kho Ngoại quan	Doanh nghiệp, đại lý khai báo tờ khai C11	Mức phí theo loại hàng hóa gửi KNQ.
2.2	Đối với hàng xuất khẩu		
2.2.1	Các tờ khai vận chuyển độc lập có mã địa điểm xếp hàng là mã Cảng/ICD bên ngoài địa bàn TP.HCM và mã địa điểm dỡ hàng là mã Cảng/ICD thuộc địa bàn TP.HCM	Doanh nghiệp, đại lý khai báo tờ khai vận chuyển độc lập.	Mức phí theo container và theo nơi mở tờ khai là bên ngoài địa bàn TP.HCM
2.2.2	Các tờ khai vận chuyển độc lập có mã địa điểm xếp hàng là mã kho CFS bên ngoài địa bàn TP.HCM và mã địa điểm dỡ hàng là mã Cảng/ICD thuộc địa bàn TP.HCM	Doanh nghiệp, đại lý khai báo tờ khai vận chuyển độc lập.	Mức phí theo container và theo nơi mở tờ khai là bên ngoài địa bàn TP.HCM
2.2.3	Các tờ khai vận chuyển độc lập có mã địa điểm xếp hàng là mã Kho Ngoại quan và mã địa điểm dỡ hàng là mã Cảng/ICD thuộc địa bàn TP.HCM	Doanh nghiệp, đại lý khai báo tờ khai vận chuyển độc lập.	Mức phí theo loại hàng hóa gửi KNQ.
2.2.4	Các tờ khai vận chuyển độc lập, chứng từ đủ điều kiện qua khu vực giám sát (B.2) có mã địa điểm xếp hàng là mã KNQ thuộc địa bàn TP.HCM và mã địa điểm dỡ hàng là mã kho CFS cũng thuộc địa bàn TP.HCM	Doanh nghiệp, đại lý khai báo tờ khai vận chuyển độc lập, doanh nghiệp khai báo chứng từ đủ điều kiện qua khu vực giám sát (B.2)	Mức phí theo loại hàng hóa gửi KNQ. Áp dụng đối với KNQ tại chiều hàng hóa đi ra KNQ để vào kho CFS chờ xuất khẩu.

2.2.5	Các tờ khai vận chuyển độc lập, chứng từ đủ điều kiện qua khu vực giám sát (B.2) có mã địa điểm xếp hàng là mã Kho Ngoại quan thuộc địa bàn TP.HCM và mã địa điểm dỡ hàng là mã kho CFS cũng thuộc địa bàn TP.HCM	Không phải thực hiện kê khai và nộp phí (Do là việc kê khai, nộp phí đối với nhóm đối tượng vận chuyển này đã được doanh nghiệp vận chuyển hàng ra khỏi KNQ thực hiện tại đầu đi là KNQ tại mục 2.2.3 nêu trên)	Áp dụng đối với kho CFS tại chiều hàng hóa đi vào kho CFS từ KNQ.
2.2.6	Các tờ khai vận chuyển độc lập có mã địa điểm xếp hàng là mã Cảng/ICD, kho CFS, thuộc địa bàn TP.HCM và mã địa điểm dỡ hàng là mã Cảng/ICD cũng thuộc địa bàn TP.HCM	Không phải thực hiện kê khai và nộp phí (Do là việc kê khai, nộp phí đối với nhóm đối tượng vận chuyển này đã được doanh nghiệp XNK thực hiện trước đó).	
III	Đối với hàng quá cảnh		
	Các tờ khai vận chuyển độc lập có mã địa điểm xếp hàng là mã Cảng/ICD thuộc TP.HCM và mã địa điểm dỡ hàng là mã cửa khẩu biên giới giữa Việt Nam với nước thứ 3 và ngược lại	Doanh nghiệp, đại lý khai báo tờ khai vận chuyển độc lập	Mức phí theo loại hình hàng quá cảnh. Các trường hợp miễn phí áp dụng đối với hàng hóa vận chuyển quá cảnh bằng đường thủy nội địa.